

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 449/2020/HC-PT

Ngày 26 – 8 – 2020

V/v Khiếu kiện quyết định
hành chính, hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số: 698/2019/TLPT-HC ngày 03 tháng 12 năm 2019 về khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 1013/2019/HC-ST ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1996/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

Ông Võ Văn C, sinh năm 1938, (đã chết năm 2015).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện:

1. Bà Võ Thị Ngọc H, sinh năm 1956; địa chỉ: Số 123, Ấp 1, xã PL, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt);

2. Bà Võ Thị H1, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 366/10, đường LVL, Tổ 8, Ấp 3, xã PK, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt);

3. Bà Võ Thị Ngọc A, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 57, BTK cây khô, Tổ 3, Ấp 1, xã PL, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

4. Bà Võ Thị S, sinh năm 1970, (*vắng mặt*);

5. Ông Võ Minh H, sinh năm 1977, (*vắng mặt*);

6. Bà Võ Thị Thanh Kim H, sinh năm 1980, (*vắng mặt*);

Cùng địa chỉ: Số 44, Tổ 3, Ấp 1, xã PL, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 16/5/2016): Ông Nguyễn Đình P, sinh năm 1964, địa chỉ: Số 7.23, Cao ốc B, đường NGT, Phường 3, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; (*có mặt*).

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Ủy ban nhân dân huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NB; (*xin vắng mặt*).

Địa chỉ: Số 330, đường NB, ấp 1, xã PX, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông Lê Văn H - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện NB, (*vắng mặt*).

2. Ông Huỳnh Văn H - Phó Trưởng phòng Tư pháp huyện NB, (*vắng mặt*).

3. Ông Đỗ Văn L - Phó Trưởng ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện NB, (*vắng mặt*).

4. Bà Hồng Kim O – Trưởng phòng xây dựng dự án - Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện NB, (*có mặt*).

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án; người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền trình bày với nội dung:

Gia đình ông Võ Văn C đã canh tác một phần diện tích đất tại xã PL, huyện NB từ năm 1957 dưới hình thức tự canh nộp tô cho địa chủ. Năm 1972, chính quyền Sài Gòn đã cấp chứng thư quyền sở hữu cho mẹ của ông C là bà Mai Thị B. Năm

1976, gia đình ông C đã dựng nhà để trồng trọt, chăn nuôi. Khi thực hiện chính sách tập thể hóa đất nông nghiệp theo điểm a Mục 3 Chỉ thị số 29/CT-TW ngày 26/12/1977 của Ban chấp hành Trung ương và điểm a Mục 2 Quyết định số 450/QĐ-UB ngày 13/4/1978 của Ủy ban nhân dân (UBND) Thành phố Hồ Chí Minh thì phần đất ở có căn nhà được chính quyền để lại cho bà B 95m² không tập thể hóa thể hiện trong Sổ địa chính theo đăng ký đất đai theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ. Sau khi được Nhà nước giao lại đất, ông Võ Văn C đã đăng ký theo Chỉ thị số 02/CT-UB ngày 18/01/1992 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích là 18.993m² gồm các thửa 52, 68, 205, 206, 208, 209, 210, 211 và 212; trong đó, thửa 212 diện tích 397m² là đất ở, các thửa còn lại là đất nông nghiệp. Trên thửa 212 đất có nhà mái lá được gia đình ông C tạo lập từ năm 1976, chuồng trại chăn nuôi và mộ phần của gia tộc ông C. Năm 1995, UBND huyện NB đã ban hành quyết định cấp chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 08/8/1995, ông Võ Văn C được UBND huyện NB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 18.993m² đất gồm các thửa đã đăng ký theo Chỉ thị 02/CT-UB, trong đó thửa 212 diện tích 397m², mục đích sử dụng ký hiệu “T”. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông C đã chuyển nhượng 10.715m² đất nông nghiệp; phần đất còn lại 8.278m² gồm 397m² đất ở và 7.881m² đất nông nghiệp.

Năm 2001, UBND huyện NB thu hồi toàn bộ 8.278m² của ông C gồm các thửa 209, 210, 211 và 212, tờ bản đồ số 1, thuộc xã PL, huyện NB. Trên thửa đất 212 có nhà vách lá, mái lá 44,72m², chuồng trại 72,76m² được thể hiện tại Biên bản kiểm kê thiệt hại về tài sản và Sơ đồ đo đạc cùng ngày 25/7/2001. Sau khi giải tỏa trắng nhà đất của ông C, UBND huyện NB không đền bù cho ông 01 nền tái định cư 300m² và không đền bù thiệt hại đối với phần diện tích bị thu hồi vượt quá hạn mức đất ở tại thửa số 212 là không đúng quy định của Luật Đất đai năm 1993, Nghị định 22/1998/CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ và Phương án đền bù số 18/PAĐB theo phương thức “đất đổi đất có cùng mục đích sử dụng” tại khu tái định cư mà áp giá đất nông nghiệp để đền bù bằng tiền là gây thiệt hại nghiêm trọng cho ông C.

Không đồng ý với việc đền bù của UBND huyện NB, ông Võ Văn C đã khiếu nại yêu cầu được cấp đất tái định cư. Ngày 06/7/2009, Chủ tịch UBND huyện NB ban hành Quyết định số 17/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Võ Văn C có nội dung không công nhận nội dung khiếu nại của ông C. Ngày 09/12/2009, Chủ tịch UBND huyện NB ban hành Quyết định số 1228/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 06/7/2009 với lý do đã hết thời hiệu theo Điều 39 Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2004, năm 2005; Cùng ngày 09/12/2009, UBND huyện NB

ban hành Thông báo số 313/TB-UBND trả lời đơn khiếu nại của ông Võ Văn C với nội dung: “*Căn cứ khoản 4 Điều 32 Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2004, năm 2005; Căn cứ Phương án số 18/PAĐB ngày 06/6/2001 về đền bù hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong dự án đầu tư xây dựng trại giam T30 tại xã PL, huyện NB, Ủy ban nhân dân huyện NB nhận thấy việc ông Võ Văn C khiếu nại yêu cầu tái định cư là không thể xem xét*”.

Ngày 15/5/2012, ông Võ Văn C khởi kiện UBND huyện NB tại Tòa án nhân dân huyện NB, theo đó yêu cầu UBND huyện NB thực hiện lại toàn bộ trình tự thủ tục thu hồi đất theo đúng quy định của pháp luật; phải bố trí cho hộ gia đình ông C 01 nền tái định cư 300m²; phải bồi thường thiệt hại bằng tiền cho gia đình ông đối với phần đất nằm ngoài hạn mức đất ở 97m².

Tại Bản án số 11/2013/HCST ngày 15/7/2013, Tòa án nhân dân huyện NB đã quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn C. Ông Võ Văn C kháng cáo bản án trên. Ngày 09/01/2014, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Bản án số 60/2014/HC-PT hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2013/HCST ngày 15/7/2013 của Tòa án nhân dân huyện NB; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện NB xét xử lại. Ngày 28/9/2017, Tòa án nhân dân huyện NB ban hành Bản án số 10/2017/HC-ST bác toàn bộ yêu cầu của ông Võ Văn C. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Võ Văn C kháng cáo bản án trên (do ông C chết năm 2015). Ngày 17/10/2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Bản án số 935/2018/HC-PT hủy Bản án số 10/2017/HC-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện NB; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thẩm quyền quy định tại Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm xét xử lại vụ án, ông Nguyễn Đình P là người được ủy quyền yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tuyên:

- Hủy Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 06/7/2009, Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 09/12/2009 và Thông báo số 313/TB-UBND ngày 09/12/2009 có nội dung bác khiếu nại của ông Võ Văn C về yêu cầu được cấp giao đền bù đất ở tái định cư khi Nhà nước giải phóng mặt bằng.

- UBND huyện NB có trách nhiệm công vụ khôi phục đầy đủ và đúng theo quy định của pháp luật, đúng theo Quyết định số 1002/QĐ-UB ngày 20/02/2001 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh và Phương án số 18/PAĐB ngày 06/6/2001 trong việc đền bù diện tích 397m² đất ở thuộc thửa 212, tờ bản đồ số 1, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 17 ngày 08/8/1995 của ông C, cụ thể:

+ Buộc UBND huyện NB giao đền bù 300m² đất ở trong hạn mức tại khu tái định cư theo nguyên tắc: “*đền bù bằng đất có cùng mục đích sử dụng và giá trị tương đương*” trong tổng số 397m² thuộc thửa 212, tờ bản đồ số 1, cho ông C.

+ Buộc UBND huyện NB đền bù bằng tiền 97m² đất ngoài hạn mức đất ở theo hệ số K điều chỉnh trong Phương án số 18/PAĐB là 7,2 và giá đất do UBND Thành phố Hồ Chí Minh công bố tại thời điểm chi trả.

+ Khôi phục quyền được nhận quyết định hành chính dùng làm căn cứ để thu hồi đất và quyết định hành chính dùng để thực hiện đền bù của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho đại diện hợp pháp của ông C.

Người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày với nội dung:

Ngày 20/02/2001, UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 1002/QĐ-UB thu hồi 575.779m² đất thuộc xã PL, huyện NB để tạm giao cho Công an Thành phố để tổ chức đền bù và giải phóng mặt bằng, chuẩn bị đầu tư xây dựng trại giam T30. Ngày 15/5/2001, Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 2870/QĐ-UB về việc điều chỉnh, di chuyển các hộ dân cư, cơ quan, đơn vị, vật kiến trúc khác và đền bù, trợ cấp thiệt hại, tái định cư trong dự án đầu tư xây dựng trại giam T30 tại xã PL, huyện NB, Ngày 06/6/2001, UBND huyện NB ban hành Phương án đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong dự án đầu tư số 18/PAĐB được Hội đồng bồi thường Thành phố thẩm định ngày 11/6/2001 và được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 4096/QĐ-UB ngày 05/7/2001 thực hiện dự án. Ông Võ Văn C là đối tượng bị thu hồi đất trong dự án này.

Quá trình lập hồ sơ bồi thường cho ông Võ Văn C: Ngày 25/7/2001, tổ công tác tiến hành kiểm tra khu đất của ông Võ Văn C bị thu hồi diện tích 8.278m²; gồm thửa 209(L) = 3.592m², thửa 210(L) = 2.129m², thửa 211(Ln) = 2.160m², thửa 212(T) = 397m², tờ bản đồ số 1, xã PL. Trên khu đất có cấu trúc chòi lá phục vụ cho việc chăn nuôi diện tích 44,72m², chòi vịt diện tích 66m², chòi gà diện tích 6,76m², hoa màu và nuôi cá. Ngày 06/9/2001, lập biên bản hiệp thương đền bù, xác định giá trị đền bù đất và tài sản trên đất. Ngày 28/11/2001, UBND huyện NB chi trả tiền đền bù, ông Võ Văn C đã nhận đủ số tiền đền bù là 328.801.400 đồng và ký cam kết tháo dỡ, bàn giao mặt bằng. Tất cả các văn bản trên được ông C ký và lấn dấu vân tay xác nhận.

Về yêu cầu đền bù thiệt hại đất của ông Võ Văn C: Ngày 14/11/1994, ông Võ Văn C có đơn đăng ký quyền sử dụng, đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông khai hoang canh tác đã được Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận ruộng đất các thửa liệt kê trong đơn đăng ký. Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-UB,

UBND huyện NB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 17 ngày 08/8/1995 cho ông Võ Văn C theo chủ trương tại Nghị định số 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về ban hành quy định về giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình cá nhân sử dụng lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp và theo chỉ đạo tại Chỉ thị số 10/1998/CT-TTg ngày 20/02/1998 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh và hoàn tất việc giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp. Quyết định số 499/QĐ/ĐC ngày 27/7/1995 của Tổng cục địa chính quy định trong sổ địa chính chữ “T” mục đích sử dụng để ở. Do đó, đây chỉ là ký hiệu loại đất trên bản đồ, sổ mục kê, chưa xem xét yếu tố người dân có sử dụng đúng mục đích để ở ổn định lâu dài, đây cũng giống như là hình thức chỉ mới quy hoạch sử dụng đất tại địa phương. Việc ông C xây dựng chòi lá nhằm mục đích phục vụ sản xuất và chăn nuôi, không ở ổn định trên đất; chòi lá không có sổ nhà và chưa được cơ quan có thẩm quyền xác nhận cụ thể là đất xây dựng nhà ở. Ông Võ Văn C sống ổn định từ năm 1978 đến khi có quyết định thu hồi đất thuộc dự án xây dựng trại giam T30 tại căn nhà số 44 ấp 1 xã PL (nằm ngoài ranh giới dự án) đã được UBND huyện NB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở ngày 16/02/2011. Vì vậy, đối với loại đất có ký hiệu “T” thuộc thửa 212 diện tích 397m², khi kiểm kê đền bù ông C không sinh sống ổn định mà chỉ lui tới chăn nuôi, canh tác nông nghiệp nên không đền bù đất ở.

Về yêu cầu tái định cư của ông Võ Văn C: Theo quy định tại Điều 28 của Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ thì khu tái định cư dùng để đền bù cho hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi nhà ở, đất ở phải di chuyển đến nơi khác. Theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ thì người bị thu hồi đất không thuộc đối tượng đền bù tại Điều 7 của nghị định này, nếu không còn nơi ở nào khác thì được xem xét giao đất ở mới và phải nộp tiền sử dụng đất hoặc mua nhà ở. Do ông Võ Văn C không được đền bù đất ở và đã có nơi ở khác tại số nhà 44 ấp 1, xã PL nên không cấp nền tái định cư cho ông C.

Theo Công văn số 334/UBND-PCNC ngày 26/7/2011 của UBND Thành phố, ông Võ Văn C đủ tiêu chuẩn mua nền đất ở theo giá bảo tồn vốn, ông C đã đăng ký mua nền đất ở theo tiêu chuẩn và đã bốc thăm nhận nền ở lô A15 = 99,9m², D17 = 100m² tại khu tái định cư T30 với giá bảo tồn vốn là 5.727.000 đ/m². Trại giam T30 không được xây dựng tại xã PL, huyện NB mà đã chuyển tới địa điểm khác, đất thu hồi dự án T30 do Bộ Công an sử dụng. Khu tái định cư dự án T30 xã PL, huyện NB quy hoạch tổng số 210 nền, trong đó đã giao trả cho Bộ công an 60 nền; 150 nền phục vụ cho tái định cư và bán cho các hộ dân theo giá bảo tồn vốn nên không còn quỹ đất phục vụ cho việc bồi thường bằng đất ở.

UBND huyện NB thực hiện đúng quy định trong việc lập hồ sơ đền bù cho ông Võ Văn C; đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn C.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 1013/2019/HC-ST ngày 19/8/2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn C (có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Võ Thị Ngọc H, bà Võ Thị H1, bà Võ Thị Ngọc A, bà Võ Thị S, ông Võ Minh H, bà Võ Thị Thanh Kim H):

- Hủy Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 09/12/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NB “về việc thu hồi Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 06/7/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NB về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Võ Văn C, cư trú 44 ấp 1, xã PL, huyện NB”.

- Hủy Thông báo số 313/TB-UBND ngày 09/12/2009 của Ủy ban nhân dân huyện NB “về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Võ Văn C, cư trú 44 ấp 1, xã PL, huyện NB”.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện NB phải thực hiện việc bồi thường cho ông Võ Văn C (có người kế thừa quyền và nghĩa vụ) đối với phần diện tích đất ở 397m² bị thu hồi trong dự án trại giam T30 theo quy định của pháp luật.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn C (có những người kế thừa và nghĩa vụ tố tụng là bà Võ Thị Ngọc H, bà Võ Thị H1, bà Võ Thị Ngọc A, bà Võ Thị S, ông Võ Minh H, bà Võ Thị Thanh Kim H) về việc hủy Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 06/7/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NB “về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Võ Văn C, cư trú 44 ấp 1, xã PL, huyện NB”.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 30/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị số 445/QĐ-VKS-HC kháng nghị một phần bản án hành chính sơ thẩm với lý do: Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 09/12/2009 của Chủ tịch UBND huyện NB là quyết định thu hồi Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 06/7/2009 của Chủ tịch UBND huyện NB về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Võ Văn C, cư trú 44 ấp 1, xã PL, huyện NB. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, tuyên hủy Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 09/12/2009, nhưng lại không xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 06/7/2009 với nhận định do Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 06/7/2009 đã bị thu hồi nên không tồn tại là mâu thuẫn, không nhất quán và chưa phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật khiếu nại tố cáo năm 1998

(được sửa đổi, bổ sung năm 2004, 2005). Căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng Hành chính (đã được hướng dẫn cụ thể tại Giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 và Giải đáp số 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao) quy định Hội đồng xét xử xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính bị kiện, quyết định giải quyết khiếu nại và các quyết định có liên quan. Theo đó, trong trường hợp này, Tòa án cấp sơ thẩm vẫn phải xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 06/7/2009. Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo hướng như đã phân tích nêu trên (sau đây gọi tắt là Quyết định kháng nghị hoặc kháng nghị).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị; người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện không có ý kiến tranh luận.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tiến hành tổ tụng giải quyết vụ án đúng theo quy định của Luật tổ tụng Hành chính; các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tổ tụng Hành chính.

Về kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định chấp nhận một phần yêu cầu của người khởi kiện tuyên hủy Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 09/12/2009 của Chủ tịch UBND huyện NB là có căn cứ. Tuy nhiên, Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 09/12/2009 là quyết định thu hồi Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 06/7/2009 của Chủ tịch UBND huyện NB về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Võ Văn C, cư trú 44 ấp 1, xã PL, huyện NB. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên hủy Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 09/12/2009 thì Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 06/7/2009 vẫn còn tồn tại. Những lý do kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sửa bản án sơ thẩm theo hướng, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện, hủy Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 06/7/2009 của Chủ tịch UBND huyện NB.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ; được xem xét theo thủ tục phúc thẩm:

[1] Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đủ cơ sở xác định: Từ trước năm 1975, ông Võ Văn C đã khai hoang một phần đất tại xã PL và được UBND huyện NB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 17 ngày 08/8/1995 với diện tích 18.993m², trong đó có 397m² đất ở thuộc thửa 212. Sau đó, ông C đã chuyển nhượng 10.715m² đất nông nghiệp, còn lại 8.278m² bao gồm 397m² đất ở và 7.881m² đất nông nghiệp. Năm 2001, UBND huyện NB thu hồi toàn bộ diện tích đất 8.278m², trong đó có thửa 212 diện tích 397m² đất ở, của ông để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Trại giam T30.

[2] Do không đồng ý với việc đền bù đối với đất và tài sản trên đất, ông Võ Văn C khiếu nại yêu cầu được cấp đất tái định cư trong Dự án đầu tư xây dựng Trại giam T30 tại xã PL, huyện NB. Ngày 06/7/2009, Chủ tịch UBND huyện NB ban hành Quyết định số 17/QĐ-UBND về giải quyết đơn khiếu nại của ông Võ Văn C với nội dung: Không công nhận nội dung khiếu nại của ông C yêu cầu được cấp đất tái định cư trong Dự án đầu tư xây dựng Trại giam T30 tại xã PL, huyện NB. Tuy nhiên sau đó, Chủ tịch UBND huyện NB ban hành Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 09/12/2009 về việc thu hồi Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 06/7/2009 với lý do là việc khiếu nại của ông C đã hết thời hiệu theo Điều 39 Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2004, năm 2005. Do ông C vẫn tiếp tục khiếu nại nên UBND huyện NB ban hành Thông báo số 313/TB-UBND ngày 09/12/2009 trả lời việc ông C khiếu nại yêu cầu cấp đất tái định cư là không thể xem xét.

[3] Ông Võ Văn C khởi kiện, trong đó có yêu cầu Tòa án hủy các quyết định hành chính Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 06/7/2009, Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 09/12/2009 và Thông báo số 313/TB-UBND ngày 09/12/2009.

[3.1] Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện về việc hủy Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 09/12/2009 của Chủ tịch UBND huyện NB. Vì Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 09/12/2009 được Chủ tịch UBND huyện NB ban hành để thu hồi Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 06/7/2009 của Chủ tịch UBND huyện NB về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Võ Văn C với lý do là việc khiếu nại của ông C đã hết thời hiệu theo Điều 39 Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2004, năm 2005. Nên khi Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 09/12/2009 thì Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 06/7/2009 vẫn còn tồn tại. Tuy

nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại nhận định Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 06/7/2009 Chủ tịch UBND huyện NB không còn tồn tại, người khởi kiện không rút yêu cầu hủy đối với quyết định này nên bác yêu cầu của người khởi kiện, là mâu thuẫn, không đúng quy định pháp luật.

[3.2] Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện về việc hủy Thông báo số 313/TB-UBND ngày 09/12/2009 của được UBND huyện NB; buộc Ủy ban nhân dân huyện NB phải thực hiện việc bồi thường cho ông Võ Văn C (có người kế thừa quyền và nghĩa vụ) đối với phần diện tích đất ở 397m² bị thu hồi trong dự án trại giam T30 theo quy định của pháp luật. Trong khi đó, Tòa án cấp sơ thẩm lại không xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 17/QĐ-UBND về giải quyết đơn khiếu nại của ông Võ Văn C với nội dung: Không công nhận nội dung khiếu nại của ông C yêu cầu được cấp tái định cư trong Dự án đầu tư xây dựng Trại giam T30 tại xã PL, huyện NB, là vi phạm quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng Hành chính, khó khăn trong việc thi hành án.

[4] Tuy nhiên, do Quyết định hành chính Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 06/7/2009, Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 09/12/2009 và Thông báo số 313/TB-UBND ngày 09/12/2009 đều có liên quan đến việc người bị kiện giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn C yêu cầu được cấp đất tái định cư trong Dự án đầu tư xây dựng Trại giam T30 tại xã PL, huyện NB. Vì vậy, những phân tích và nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm để hủy Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 09/12/2009, hủy Thông báo số 313/TB-UBND ngày 09/12/2009 và buộc UBND huyện NB phải thực hiện việc bồi thường cho ông C (có người kế thừa quyền và nghĩa vụ) đối với phần diện tích đất ở 397m² bị thu hồi trong dự án trại giam T30 theo quy định của pháp luật, đồng thời cũng là những phân tích và nhận định để xác định Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 06/7/2009 của Chủ tịch UBND huyện NB là không có căn cứ.

[5] Từ nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với ý kiến quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sửa bản án sơ thẩm theo hướng, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện, hủy Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 06/7/2009 của Chủ tịch UBND huyện NB.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị số: 445/QĐ-VKS-HC ngày 30/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 1013/2019/HC-ST ngày 19/8/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 3 Nghị quyết số 56/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội;

Căn cứ khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 01/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Luật Đất đai năm 1993; khoản 1 Điều 6, Điều 11, Điều 32, Điều 34, Điều 38 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ;

Căn cứ Điều 20 Luật Khiếu nại, Tố cáo năm 1998 được sửa đổi, bổ sung năm 2004, năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh Án phí, Lệ phí Tòa án năm 2009;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn C (có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Võ Thị Ngọc H, bà Võ Thị H1, bà Võ Thị Ngọc A, bà Võ Thị S, ông Võ Minh H, bà Võ Thị Thanh Kim H):

+ Hủy Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 06/7/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NB về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Võ Văn C, cư trú 44 ấp 1, xã PL, huyện NB.

+ Hủy Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 09/12/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NB về việc thu hồi Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 06/7/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NB về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Võ Văn C, cư trú 44 ấp 1, xã PL, huyện NB.

+ Hủy Thông báo số 313/TB-UBND ngày 09/12/2009 của Ủy ban nhân dân huyện NB về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Võ Văn C, cư trú 44 ấp 1, xã PL, huyện NB.

+ Buộc Ủy ban nhân dân huyện NB phải thực hiện việc bồi thường cho ông Võ Văn C (có người kế thừa quyền và nghĩa vụ) đối với phần diện tích đất ở 397m² bị thu hồi trong Dự án Trại giam T30 theo quy định pháp luật.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân huyện NB phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NB phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm. Nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả lại cho ông Võ Văn C (có những người kế thừa và nghĩa vụ tố tụng là bà Võ Thị Ngọc H, bà Võ Thị H1, bà Võ Thị Ngọc A, bà Võ Thị S, ông Võ Minh H, bà Võ Thị Thanh Kim H) số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số 02772 ngày 24/5/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NB.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 26 tháng 8 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Dương sự;
- Lưu – (Ấn - Trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đình Thanh

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Công Đình Ngọc Thu Hương

Đỗ Đình Thanh